TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỚN QUẢN** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 3 năm 2018
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nhum
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Quốc Vương
2. Bà Trương Thị Ngọc Linh

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hữu Long – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Dương Văn Sáu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 296/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị U**, sinh năm 1977 (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 4, ấp 2, xã MH, huyện CT, tỉnh Bình Phước

- *Bị đơn:* Ông **Tăng Bạch P1**, sinh năm 1976 (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 6, ấp 4, xã TK, huyện HQ, tỉnh Bình Phước

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
1. Ông **Trần Văn M**, sinh năm 1937 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ 11, ấp 9, xã MH, huyện HQ, tỉnh Bình Phước
2. Ông **Tăng Văn P2**, sinh năm 1939 (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 8, ấp 4, xã TK, huyện HQ, tỉnh Bình Phước
3. Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1981 (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 4, ấp 2, xã MH, huyện CT, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung ngày 20 tháng 9 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lê Thị U trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà U và ông Tăng Bạch P1 sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn vào năm 1998 có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Tân Khai, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông P1 thường xuyên ăn nhậu, mỗi lần say rượu thì đánh đập bà U; nhiều lần tha thứ nhưng ông |P1 không thay đổi nên năm 2014 bà U bỏ đi làm ăn và hiện tại ông P1 đang chung sống người phụ nữ khác. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà U làm đơn xin ly hôn ông P1.

- Về con chung: Bà Lê Thị U và ông Tăng Bạch P1 có hai người con chung tên Tăng Thị Tuyết N, sinh ngày 01/11/2000 và Tăng Gia H, sinh ngày 03/02/2005, hiện cả hai cháu đang sinh sống với ông P1 nhưng bà U vẫn thường xuyên gửi tiền về nuôi con. Khi ly hôn, bà U yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung cho đến khi trưởng thành mà không yêu cầu ông P1 phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Tăng Bạch P1 và bà Lê Thị U tạo dựng được 01 căn nhà cấp 4 tọa lạc tại tổ 6, ấp 4, xã TK, huyện HQ, tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên, bà U không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để vợ chồng tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Ông Tăng Bạch P1 và bà Lê Thị U nợ ông Tăng Văn P2 20.000.000 đồng, nợ ông Lê Văn T 50.000.000 đồng và nợ ông Trần Văn M 15.000.000 đồng nhưng bà U không yêu cầu Tòa án mà để vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với các chủ nợ.

Bị đơn Tăng Bạch P1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không giao nộp văn bản trình bày ý kiến mặc dù đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 24 tháng 10 năm 2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tăng Văn P2 trình bày:

Ông P2 là cha ruột của ông P1 và là cha chồng của bà U. Ông P2 có cho ông P1 và bà U vay 30.000.000 đồng, nhưng khi vay không làm văn bản chỉ bằng lời nói. Tuy nhiên, ông P2 không yêu cầu Tòa án buộc ông P1 và bà U phải trả số nợ trên khi giải quyết vụ án ly hôn giữa ông P1 và bà U mà để ông P2 cùng với ông P1, bà U tự thỏa thuận giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23 tháng 10 năm 2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn T trình bày:

Vào năm 2013, ông T cho ông P1 và bà Út vay 50.000.000 đồng để ông P1 mua vườn cao su cạo, khi vay không làm văn bản chỉ bằng lời nói nhưng có mặt ông P1 và bà U. Tuy nhiên, ông T không yêu cầu Tòa án buộc ông P1 và bà U phải trả số nợ trên khi giải quyết vụ án án ly hôn giữa ông P1 và bà U mà để ông T cùng với ông P1, bà U tự thỏa thuận giải quyết.

Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 8 năm 2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 03 tháng 10 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn M rình bày:

Ngày 06 tháng 7 năm 2011, ông M cho ông P1 à bà U ay 10.000.000 đồng, đến ngày 12 năm 9 năm 2011 ông M tiếp tục cho ông P1 à bà U ay thêm 5.000.000 đồng, tổng cộng là 15.000.000 đồng. Việc vay tiền được lập văn bản có bà U à ông P1 ký nhận hẹn trong thời hạn 01 năm sẽ trả nhưng đến nay bà U, ông P1 không trả nên ông M khởi kiện yêu cầu ông P1 và bà U có nghĩa vụ trả cho ông số tiền gốc đã vay mà không yêu cầu tiền lãi.

Tại phiên tòa,

- Ông Trần Văn M giữ nguyên yêu cầu buộc ông Tăng Bạch P1 và bà Lê Thị U trả 15.000.000 đồng mà không yêu cầu tiền lãi.

- Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; các đương sự Lê Thị U, Trần Văn M, Tăng Văn P2 và Lê Văn T chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, ông Tặng Bạch P1 không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: bà Lê Thị U và ông Tăng Bạch P1 tự nguyện kết hôn năm 1998 đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông P1 đánh đập bà U và vợ chồng đã ly thân từ năm 2014 cho thấy mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bà U được ly hôn với ông P1. Trong thời gian chung sống, vợ chồng ông P1 và bà U có hai người con, tuy con ở chung với ông P1 nhưng bà U vẫn gửi tiền về nuôi các cháu, khi ly hôn bà U yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung mà ông P1 không phải cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu của bà U phù hợp với nguyện vọng của các cháu và ông P1 không có ý kiến nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà U. Vợ chồng không có tài sản chung nên đề nghị không xem xét. Vợ chồng có nợ ông Tăng Văn P2 và ông Lê Văn T nhưng các đương sự thống nhất tự thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, đối với số nợ 15.000.000 đồng của ông Trần Văn M là nhằm mục đích phục vụ nhu cầu chung của gia đình nên có cơ sở chấp nhận, buộc ông P1, bà U liên đới trả cho ông M 15.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Bà Lê Thị U khởi kiện yêu cầu ly hôn với Tăng Bạch P1có nơi cư trú tại tổ 6, ấp 4, xã TK, huyện HQ, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Tại đơn khởi kiện, bà Lê Thị U yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng là căn nhà cấp 4 được xây dựng trên đất của bà Tăng Thị N nhưng sau đó bà U không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đưa bà N tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3]. Bà Lê Thị U, ông Tăng Bạch P1, ông Tăng Văn P2 và ông Lê Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng bà Lê Thị U, ông Tăng Văn P2, ông Lê Văn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Tăng Bạch P1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Mặc dù ông Tăng Bạch P1 không trình bày ý kiến nhưng căn cứ vào lời khai của bà Lê Thị U và các tài liệu do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được, Hội đồng xét xử xét có căn cứ xác định ông Tăng Bạch P1 và bà Lê Thị U tự nguyện kết hôn và đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã TK huyện BL (nay là huyện HQ), tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 08/11/2000. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2014 thì ly thân rồi bà U làm đơn xin ly hôn ông P1, nguyên nhân là do ông P1 thường xuyên nhậu nhẹt, không lo cho gia đình vợ con và hiện nay ông P1 đã chung sống với người khác như vợ chồng; sau khi Tòa án thụ lý yêu cầu ly hôn của bà U thì dù đã được tống đạt văn bản tố tụng, thuyết phục trình bày ý kiến và triệu tập đến Tòa án để hòa giải cho vợ chồng nhưng ông P1 không chấp hành cho thấy mâu thuẫn giữa ông P1 và bà U là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị U.

[2]. Về con chung: Bà Lê Thị U và ông Tăng Bạch P1 có hai người con chung tên Tăng Thị Tuyết N, sinh ngày 01/11/2000 và Tăng Gia H, sinh ngày 03/02/2005, hiện cả hai cháu đang sống chung với ông P1 nhưng bà U vẫn thường xuyên gửi tiền về nuôi con và bà U yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung cho đến khi trưởng thành mà không yêu cầu ông P1 phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, ông P1 không yêu cầu được nuôi con cũng như yêu cầu của bà U phù hợp với nguyện vọng của cháu N và cháu H nên được chấp nhận.

[3]. Về tài sản chung: Bà Lê Thị U không yêu cầu Tòa án giải quyết và ông Tăng Bạch P1 cũng không có ý kiến nên Hội đồng xét xử xem xét. Các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4]. Về nợ chung:

- Bà Lê Thị U xác định vợ chồng có nợ ông Tăng Văn P2 20.000.000 đồng nhưng ông P2 xác định vợ chồng bà U, ông P1 nợ ông 30.000.000 đồng; các đương sự không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh và ông P2 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông Lê Văn T và bà Lê Thị U xác định ông P1, bà U nợ ông T 50.000.000 đồng nhưng ông T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông Tăng Văn P và ông Lê Văn T có quyền khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị U và ông Tăng Bạch P1 trả số tiền đã vay theo quy định của pháp luật.

- Ông Trần Văn M và bà Lê Thị U đều xác định bà U có vay của ông M 15.000.000 đồng với mục đích mua xe gắn máy để làm phương tiện đi lại và mua dụng cụ để bán hủ tiếu, ông P1 không trình bày ý kiến nhưng ông P1 ký nhận vào giấy vay tiền và ông M, bà U cũng xác định mục đích vay tiền là nhằm phục vụ chung cho gia đình và phát triển kinh tế gia đình, nên cần buộc ông P1 phải có nghĩa vụ cùng với bà U trả số tiền đã vay của ông M. Ông M không yêu cầu trả lãi là thiện chí của ông, được ghi nhận.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Lê Thị U phải chịu án phí ly hôn; bà Lê Thị U và ông Tăng Bạch P1 phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với phần nghĩa vụ về tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, các điều 35, 39, 147, 227, 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 37, 38, 45, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung"* của bà Lê Thị Út, tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị U, sinh năm 1977; trú tại tổ 4, ấp 2, xã MH, huyện CT, tỉnh Bình Phước được ly hôn với ông Tăng Bạch P1, sinh năm 1976; trú tại tổ 6, ấp 4, xã TK, huyện HQ, tỉnh Bình Phước.

Giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 08/11/2000 của Ủy ban nhân dân xã TK, huyện BL (nay là huyện HQ), tỉnh Bình Phước không còn giá trị pháp lý.

[2]. Về con chung: Giao hai con chung tên Tăng Thị Tuyết N, sinh ngày 01/11/2000 và Tăng Gia H, sinh ngày 03/02/2005 cho bà Lê Thị U trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi mà ông Tăng Bạch P1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông P1 có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, ông P1 và bà U có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3]. Về nợ chung: Buộc ông Tăng Bạch P1 và bà Lê Thị U mỗi người có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn M số tiền 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị U phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 375.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch, tổng cộng là 675.000 đồng (sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền 1.550.000 đồng tạm ứng án phí bà Út đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012318 ngày 02 tháng 10 năm 2017. Trả cho bà U số tiền 875.000 đồng (tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) còn lại.

- Ông Tăng Bạch P1 phải chịu 375.000 (ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự có giá ngạch.

- Ông Trần Văn M không phải chịu án phí, được trả lại số tiền 375.000 (ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012326 ngày 03 tháng 10 năm 2017.

[5]. Về quyền kháng cáo: Ông Trần Văn M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Bà Lê Thị U, ông Tăng Bạch P1, ông Tăng Văn P2 và ông Lê Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- UBND xã Tân Khai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Nhum